

样本

PHONG TRÀO
NGHĨA HÒA ĐOÀN

NHÀ XUẤT BẢN NGOẠI VĂN
BẮC KINH

PHONG TRÀO NGHĨA HÒA ĐOÀN

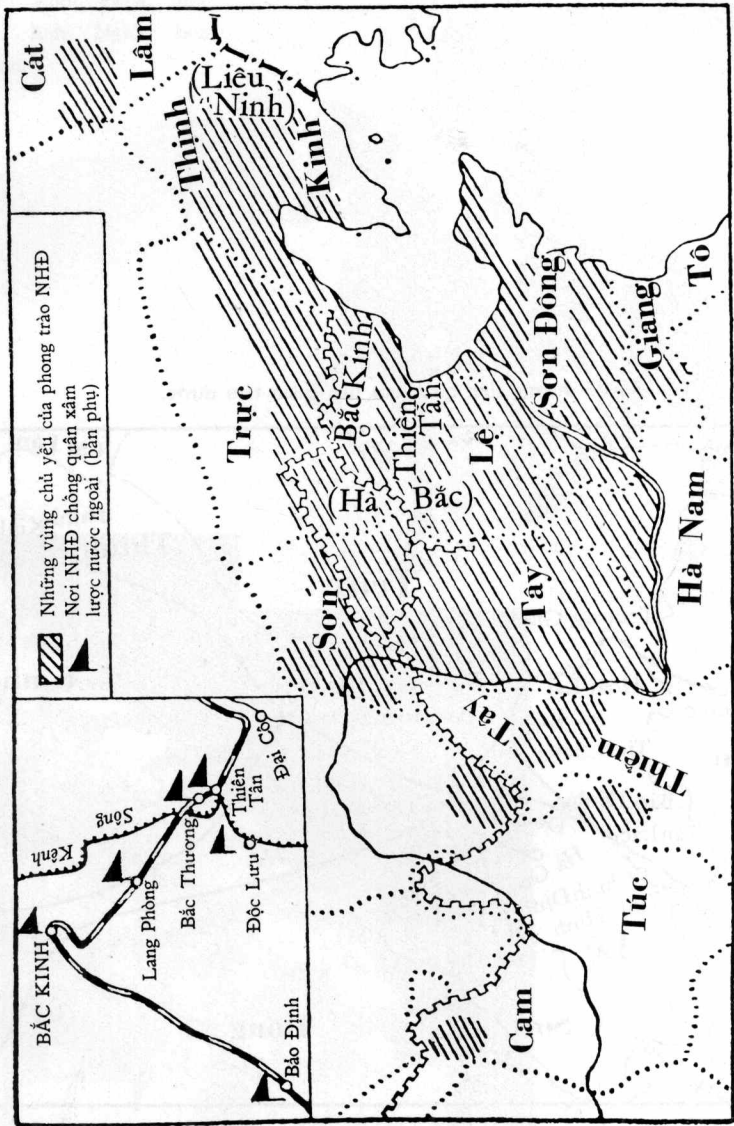
TỔ BIÊN SOẠN
«TỦ SÁCH SỬ CẬN ĐẠI TRUNG QUỐC»



NHÀ XUẤT BẢN NGOẠI VĂN
BẮC KINH 1976

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chúng tôi sẽ lần lượt xuất bản một số sách giới thiệu những sự kiện trọng đại trong lịch sử theo «*Tủ sách sử cận đại Trung Quốc*»: «*Cuộc chiến tranh thuốc phiện*», «*Cuộc cách mạng Thái bình thiên quốc*», «*Cuộc biến pháp Mậu tuất*», «*Phong trào Nghĩa hòa đoàn*», do Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải xuất bản.

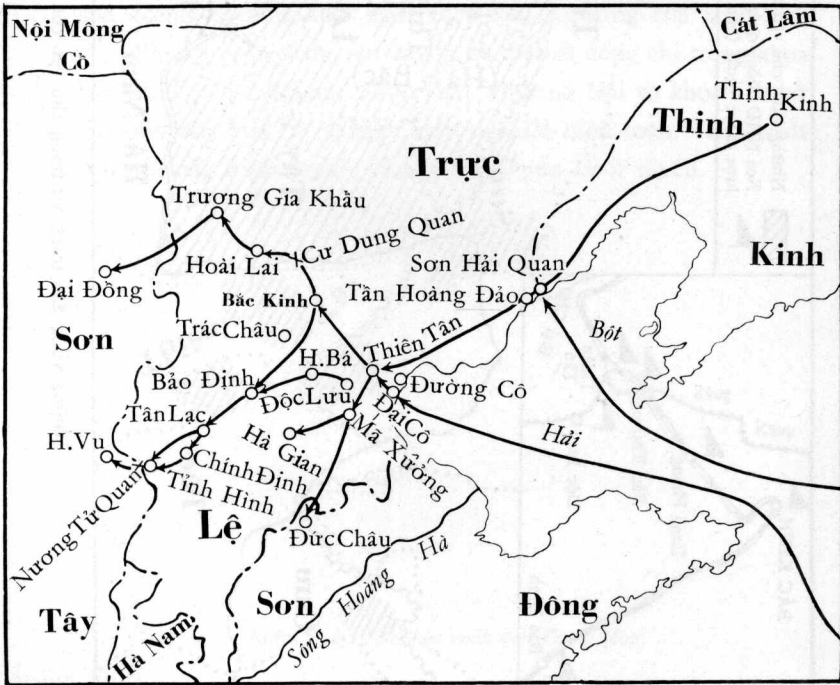
Những cuốn sách trên đây là do một số đồng chí trong khoa lịch sử Trường đại học Phục Đán Thượng Hải và khoa lịch sử Trường đại học Sư Phạm Thượng Hải biên soạn. Khi xuất bản ra tiếng nước ngoài, chúng tôi có sửa lại ít nhiều.



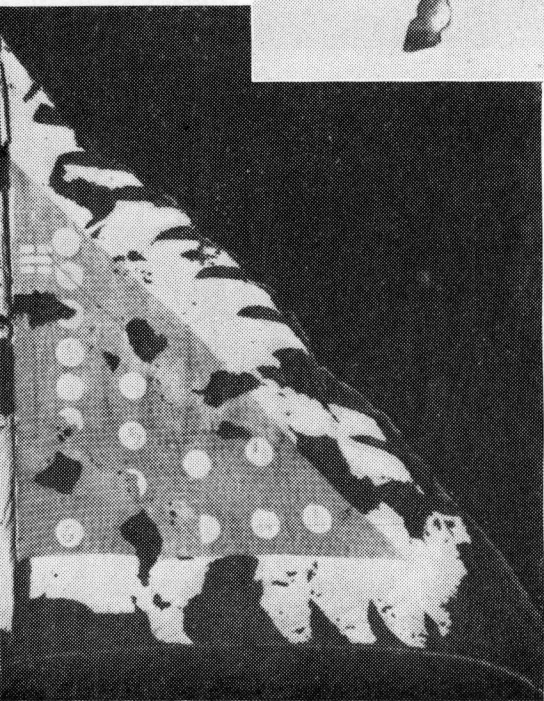
 Những vùng chủ yếu của phong trào NHD
 Nơi NHD chống quân xâm lược nước ngoài (bản phụ)

Những vùng đấu tranh vũ trang chủ yếu của Nghĩa hòa đoàn.

Sơ đồ đường tiền quân của liên quân tám nước.



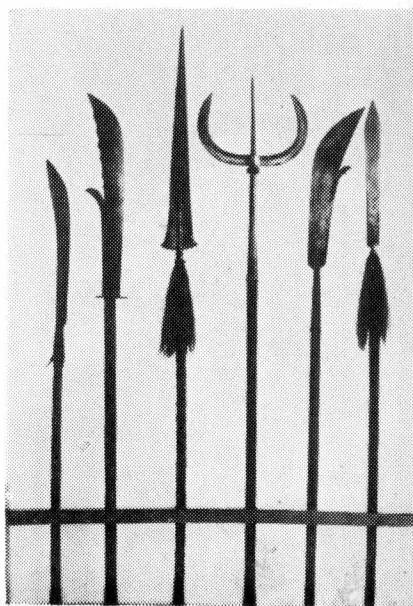
Tào Phúc Điền, một
hủ lĩnh Nghĩa hòa
đàn.



Khi giới và cờ của Nghĩa
hòa đoàn.



Nghĩa hòa đoàn anh dũng chặn
đánh quân xâm lược ở Lang Phòng.



Khí giới và cờ của Nghĩa hòa đoàn.

MỤC LỤC

NGUY CƠ DÂN TỘC TRẮM TRỌNG HƠN BAO GIỜ HẾT	1
NGHĨA HÒA ĐOÀN, DÂY NGHĨA SƠN ĐÔNG	11
CUỘC ĐẤU TRANH LAN RỘNG KHẮP VÙNG BẮC KINH—THIÊN TÂN	22
NGỌN TRÀO CHÔNG ĐỀ QUỐC DÂNG LÊN KHẮP CẢ NƯỚC	31
CUỘC XÂM LƯỢC CỦA LIÊN QUÂN TÁM NƯỚC	37
TRÒ HỀ “CHUNG SỨC BẢO VỆ MIỀN ĐÔNG NAM” DO ĐỀ QUỐC GIẬT DÂY	49
ANH DŨNG CHÔNG CHỢI VỚI QUÂN XÂM LƯỢC	56
TỘI ÁC MAN RỢ CỦA BỌN CƯỚP	69
BỌN NGA SA HOÀNG XÂM CHIÊM MIỀN ĐÔNG BẮC	78
“ĐIỀU ƯỚC TÂN SỬU”	86
TINH THẦN CÁCH MẠNG CHÔNG ĐỀ QUỐC CỦA NGHĨA HÒA ĐOÀN MUÔN NĂM	96

NGUY CƠ DÂN TỘC TRẦM TRỌNG HƠN BAO GIỜ HẾT

Phong trào Nghĩa hòa đoàn Trung Quốc từng làm rung chuyển thế giới hồi năm 1900 là một phong trào yêu nước chống đế quốc do nông dân làm nòng cốt, đã nổ ra trước sự xâm lược ngày càng ráo riết của bọn đế quốc và nguy cơ dân tộc đã trầm trọng đến tột bậc, đó cũng là cao trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống ngoại xâm, chống chia cắt từ sau cuộc chiến tranh Trung Nhật năm 1894.

Đền cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa tư bản thế giới bước sang giai đoạn tư bản lũng đoạn, tức giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Đặc điểm của giai đoạn này là **“Việc xuất khẩu tư bản, khác hẳn xuất khẩu hàng hóa, đã có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt”***, **“và cuộc đấu tranh để phân chia lãnh thổ thế giới trở nên vô cùng gay gắt”****. Từ sau cuộc chiến tranh Giáp ngộ thất bại và “Điều ước Si-mô-nô-xê-ki” ký kết, tình hình châu Á bắt đầu đã có những biến đổi lớn, việc xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc cũng như cuộc tranh giành giữa

**«Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản», «Lê-nin toàn tập», tập 22, tr.259.*

***Sách đã dẫn, tr.248.*

chúng nhằm phân chia thế giới, đều chĩa mũi nhọn vào Trung Quốc, đẩy Trung Quốc tới trước nguy cơ dân tộc trầm trọng hơn bao giờ hết.

Bản «Điều ước Si-mô-nô-xê-ki» quy định, bốn tư bản Nhật có quyền xây dựng nhà máy và sản xuất tại các cảng thông thương của Trung Quốc, điều đó phản ánh một cách tập trung yêu sách xâm lược của bốn đế quốc là xuất khẩu tư bản. Bốn đế quốc dựa vào điều khoản tối huệ quốc quy định trong hiệp ước không bình đẳng, hễ một nước nào trong bốn chúng giành được đặc quyền gì ở Trung Quốc, là cả bốn đều nhất loạt được hưởng ngang nhau. Bởi vậy, Nhật giành được quyền xây dựng nhà máy ở Trung Quốc cũng có nghĩa là các nước đế quốc khác đều được hưởng quyền đó. Trong hai năm 1895—1896, các nước đế quốc đã tới tập kéo vào Trung Quốc xây dựng nhà máy, như nhà máy sợi Di Hòa và nhà máy sợi Lão Công Mậu của Anh, nhà máy sợi Thụy Ký của Đức, nhà máy sợi Hồng Nguyên của Mỹ, v.v. . . Chúng còn bỏ vốn mở những xưởng xay bột mì, ép dầu v.v. . . Những nhà máy của tư bản nước ngoài đó chẳng những đã trực tiếp bóc lột tàn khốc đông đảo quần chúng lao động, mà còn chèn ép nghiêm trọng nền công nghiệp dân tộc Trung Quốc.

Từ năm 1895 đến 1898, chính phủ triều Thanh đã nhiều lần vay của nước ngoài những khoản tiền khổng lồ để bồi thường cho Nhật. Hồng nhân việc cho vay này xuất khẩu tư bản và giành đặc quyền ở Trung Quốc, hai tập đoàn tư bản lũng đoạn lớn là Nga—Pháp và Anh—Đức, đã giành giật nhau rất quyết liệt trong việc cho chính phủ nhà Thanh vay. Chính phủ nhà Thanh đã ba lần vay của hai tập đoàn tư bản lũng đoạn lớn

này tới 300 triệu lạng bạc. Việc vay tiền này chẳng những lợi suất cao, và bị khấu trừ nhiều, hơn nữa còn kèm theo những điều kiện chính trị khắt khe là phải đem gán hai nguồn thu nhập quan trọng của nhà nước là thuê quan và thuê hàng qua đường cho chúng để làm tin; ngoài ra còn quy định không được một lần trang trải hết tất cả hoặc trang trải trước thời hạn quy định, (đó là nhằm phòng ngừa chính phủ nhà Thanh vay nợ nước nợ trả nước kia, khiến những chủ nợ cũ mất đặc quyền đã nắm trong tay), trong bản hiệp định vay tiền của Anh và Đức còn quy định: những chức vụ quan trọng trong ty tổng thuế vụ hải quan Trung Quốc phải tiếp tục do người Anh đảm nhiệm. Vì vậy, việc vay tiền này gọi là “vay với điều kiện chính trị”.

Việc lập ngân hàng là một thủ đoạn quan trọng của chủ nghĩa đế quốc nhằm xuất khẩu tư bản vào Trung Quốc, trong thời kỳ này, ngoài các ngân hàng Anh, Đức, Nhật vốn đã lập tại Trung Quốc ráo riết mở rộng nghiệp vụ ra, ngân hàng Đạo Thắng của Nga và ngân hàng Đông Dương của Pháp cũng vội vã sang Trung Quốc thiết lập chi nhánh của chúng. Ngân hàng Hồi Phong và hãng buôn Di Hòa của Anh còn hùn vốn lập công ty Trung Anh. Các ngân hàng đó nắm việc cho chính phủ nhà Thanh vay tiền và kiểm soát nền tài chính của chính phủ này, bỏ vốn xây dựng đường sắt và khai thác hầm mỏ, đồng thời còn nhận tiền gửi của dân chúng, phát hành giấy bạc, thao túng tiền tệ và độc chiếm quyền hối đoái ở Trung Quốc, đã biến thành những cơ cấu lũng đoạn tài chính tiền tệ ở Trung Quốc của tư bản nước ngoài.

Một hậu quả nữa do «Điều ước Si-mô-nô-xê-ki» gây nên Nhật đã xâm chiếm một vùng đất đai rộng lớn của Trung Quốc

gồm miền đông tỉnh Liêu Ninh và cả tỉnh Đài Loan. Để giữ lại mục tiêu xâm lược của mình, Nga đã liên kết với hai nước Đức, Pháp đứng ra can thiệp, bắt Nhật phải trả lại miền đông tỉnh Liêu Ninh. Như vậy, đã mở màn cho cuộc giằng xé dữ dội lãnh thổ Trung Quốc giữa các nước đế quốc hồi cuối thế kỷ 19, sau đó chúng nối tiếp nhau đưa ra những yêu sách về lãnh thổ nhằm chia cắt đất nước Trung Quốc.

Đức đã đi đầu trong cuộc xâm lăng này. Năm 1896, chính phủ Đức ra lệnh công sứ Đức tại Trung Quốc: “phải đặc biệt lưu ý kiểm soát để gây hấn”*. Tháng 8 năm 1897, vua Đức Vinhem II sang thăm Nga và đã đi đến một thỏa thuận bí mật với sa hoàng Ni-cô-la II về âm mưu xâm chiếm vùng Giao Châu Loan của Trung Quốc. Tháng 11 năm đó, vừa xảy ra vụ hai tên giáo sĩ gian ác của Đức bị giết tại Cự Dã tỉnh Sơn Đông, tức là “Vụ án giáo sĩ Cự Dã”, bọn đế quốc Đức liền hớn hờ nói: “Bây giờ chúng ta đã hoàn toàn có cơ để dùng những lời đanh thép đàm phán với các ông lớn Trung Quốc, và nắm lấy dịp này đòi cắt nhượng một vùng đất đai để xây dựng kho than và bến cảng cần thiết cho hạm đội”**, rồi chiếm hấn. Năm sau, Đức cưỡng ép chính phủ nhà Thanh ký «Hiệp định cho thuê vùng Giao Châu Loan», chứa mũi nhọn xâm lược vào toàn cõi Sơn Đông.

Việc Nga ủng hộ Đức chiếm Giao Châu Loan là một sự trao đổi với việc Đức ủng hộ Nga chiếm Lữ Thuận và Đại Liên

*Dẫn từ cuốn «Chính sách đối ngoại và ngoại giao của đế quốc Đức cuối thế kỷ 19» của A. Gie-li-sa-lim-sky, xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1948.

**Sách đã dẫn.

(tỉnh Liêu Ninh). Ngay sau khi Đức chiếm Giao Châu Loan, tháng 12 năm ấy, hạm đội Nga thành linh ập vào cảng Lữ Thuận, bắt đầu xâm chiếm vùng Lữ Thuận, Đại Liên. Đức lập tức lên tiếng ủng hộ đề trả ơn Nga, chúng nói : “Việc này báo hiệu nước Trung Hoa đề chế đang từng bước tan rã dần.”*

Vin có Nga đã thuê mượn được Lữ Thuận và Đại Liên, tháng 4 năm 1898, Pháp đến chiếm Quảng Châu Loan, và nêu ra yêu sách không được cắt nhượng các tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây cho nước khác, mưu toan nối liền ba tỉnh này thành một dải với Việt Nam lúc bấy giờ đã biến thành thuộc địa của chúng.

Nhật vừa chiếm được Đài Loan, lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc, làm căn cứ của chúng, nay nhìn thấy các nước phương Tây tới tập kéo đến giằng xé đất nước Trung Hoa, lòng tham lại bốc lên. Được Anh ủng hộ và Đức mặc nhận, tháng 4 năm 1898, Nhật lại bắt ép chính phủ nhà Thanh phải hứa không cắt nhượng hoặc thuê mượn cho nước khác tỉnh Phúc Kiến nằm đối diện với Đài Loan, và đặt Phúc Kiến vào mục tiêu lần chiếm của chúng.

Là một nước đề quốc già đời và hời ầy đã chiếm được nhiều quyền lợi thực dân ở Trung Quốc nhất, Anh dĩ nhiên càng không chịu thua kém. Vào tháng 6, 7 năm 1898, Anh mượn có là để ngăn cản thế lực Pháp, đã đòi thuê mượn bằng được bán đảo Cửu Long ở miền nam; tiếp đó lại mượn có để ngăn chặn thế lực Nga, đòi thuê mượn bằng được Uy Hải Vệ ở miền bắc. Như vậy, Anh không những coi lưu vực sông Trường

*Xem «Trích dịch văn kiện ngoại giao Đức về phần giao thiệp với Trung Quốc», tập I.

Giang là vùng thuộc quyền độc chiếm của chúng, hơn nữa còn thọc bàn tay xâm lược tới cả hai miền nam bắc.

Thê là trong khoảng chưa đầy 3 năm kể từ năm 1896 đến 1898, tuyệt đại bộ phận đất nước Trung Quốc rộng lớn đã bị phân chia thành những phạm vi thê lực của các nước đế quốc: vùng phía bắc Trường Thành là phạm vi thê lực của Nga, lưu vực sông Trường Giang là phạm vi thê lực của Anh, tỉnh Sơn Đông là phạm vi thê lực của Đức, Phúc Kiến là phạm vi thê lực của Nhật, phần lớn tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây là phạm vi thê lực của Pháp.

Để tăng nhanh nhịp độ xuất khẩu tư bản, củng cố và mở rộng phạm vi thê lực, các nước đế quốc còn ráo riết giành giật quyền xây dựng đường sắt, cướp đoạt đất đai và tài nguyên trong vùng dọc hai bên đường sắt. Từ năm 1896 đến 1898, Nga giành được tại miền Đông Bắc, Pháp giành được tại miền Tây Nam, Đức giành được tại Sơn Đông quyền xây dựng và kinh doanh đường sắt. Từ đó, cuộc giành giật giữa các nước đế quốc đã diễn ra rất quyết liệt.

Khi nước Bỉ dựa vào thê lực của tập đoàn Nga — Pháp giành được quyền xây dựng đường sắt Lư Câu Kiều — Hán Khẩu (nay gọi là đường sắt Bắc Kinh — Hán Khẩu), Anh thấy thê lực Nga Pháp sẽ do đó thâm nhập lưu vực Trường Giang, bèn đề ra với chính phủ nhà Thanh một kế hoạch xây dựng đường sắt rất quy mô, và giành được quyền xây dựng đường sắt Thiên Tân — Trần Giang (sau gọi là đường sắt Thiên Tân — Phò Khẩu) để chống chọi với Nga — Pháp. Nhưng đoạn đường sắt Thiên Tân — Trần Giang phải xuyên qua tỉnh Sơn Đông là phạm vi thê lực của Đức, nên Đức phản đối, Anh liền lôi

kéo Đức, và hai nước đã đi tới thỏa thuận là: đoạn đường từ Thiên Tân đến huyện Dịch tỉnh Sơn Đông do Đức xây dựng, còn đoạn đường từ huyện Dịch tới Trần Giang thì do Anh xây dựng.

Sau khi Mỹ giành được quyền xây dựng đường sắt Quảng Châu — Hán Khẩu ít lâu, do cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Tây Ban Nha nhằm tranh đoạt Phi-líp-pin và quần đảo Tây Ấn Độ đã bùng nổ, Mỹ không đủ sức xây dựng đường sắt này. Anh thừa dịp đó liền đòi Mỹ điều chỉnh lại mối quan hệ giữa hai nước tại Viễn Đông, và chen chân vào việc bỏ vốn xây dựng đường sắt Quảng Châu — Hán Khẩu.

Nhằm ngăn chặn thế lực Nga khỏi vượt quá Sơn Hải Quan tràn xuống miền nam, Anh cố sức tranh giành quyền kiểm soát đoạn đường từ Sơn Hải Quan đến Ngưu Trang thuộc tuyến đường sắt Bắc Kinh — Thẩm Dương. Vốn nuôi một dã tâm rất lớn, Nga dĩ nhiên không chịu cho thế lực Anh thâm nhập Đông Bắc, nên đã chống lại. Năm 1898, hai nước Anh, Nga đi đến thỏa thuận là Anh thừa nhận đoạn đường sắt từ Sơn Hải Quan đến Ngưu Trang phải đặt dưới sự kiểm soát của chính phủ Trung Quốc, không được cấm đợ cho bất cứ công ty nào không phải của Trung Quốc. Từ đó, đã mở ra một tiền lệ rất xấu là “trung lập hóa” đường sắt bởi các nước đế quốc tranh giành nhau không ngã ngũ, còn Anh thì vẫn giữ được quyền cho vay tiền xây dựng đoạn đường sắt này.

Tháng 4 năm 1899, Anh và Nga lại tiên thêm một bước thỏa thuận với nhau về việc phân chia những quyền lực đã cướp được: Anh sẽ không đòi hỏi quyền thuê mướn đường sắt ở các vùng phía bắc lưu vực Trường Giang và cũng không ngăn

cản Nga giành được đặc quyền trong các vùng đó. Ngược lại, Nga cũng giữ thái độ như vậy trước việc Anh mở rộng thế lực xâm lược trong lưu vực Trường Giang. Thực tế, đó là một âm mưu nhằm chia cắt đất nước Trung Quốc.

Giữa lúc các nước đế quốc đang giành giật quyết liệt để phân chia phạm vi thế lực và cướp đoạt quyền lợi về đường sắt ở Trung Quốc, thì Mỹ chưa tham dự nhiều vào cuộc giành giật đó vì không đủ sức và đang bận đánh nhau với Tây Ban Nha. Mỹ tuy cũng từng có ý đồ muốn chiếm cảng Đại Cô, nhưng vì Đại Cô là cửa ngõ của Thiên Tân, một cảng thông thương chủ yếu ở miền Hoa Bắc, sợ các nước đế quốc khác không đồng ý, nên không dám làm liều. Sau khi cuộc chiến tranh Mỹ và Tây Ban Nha chấm dứt, Mỹ nhìn lại địa bàn Trung Quốc, thì thấy không còn có cửa biển nào có thể thuê mượn và vùng đất nào có thể cho vạch làm phạm vi thế lực của mình nữa, nhưng Mỹ là một nước đế quốc xâm lược cáo già quyết không vì thế chịu thôi, nên đã vắt óc tìm ra biện pháp xâm lược nham hiểm khác. Tháng 9 năm 1899, chính phủ Mỹ qua sự sắp đặt ngầm ngầm, do ngoại trưởng Giôn Hay đưa ra chính sách “bỏ ngõ cửa ngõ” khét tiếng nham hiểm của Mỹ, tức là thừa nhận phạm vi thế lực của các nước tại Trung Quốc, nhưng các nước đó không được hạn chế việc thông thương và tàu bè của nước khác đi lại. Vậy có nghĩa là đòi các nước đó phải bỏ ngõ phạm vi thế lực của họ trước Mỹ, khiến bọn tư bản lũng đoạn Mỹ có nhiều dịp cướp đoạt ở Trung Quốc hơn nữa; ngoài ra, còn hòa hoãn được mỗi mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa các nước đế quốc trong cuộc giành giật, và tạm thời duy trì được “thế cân bằng” xâm lược của chúng. Tuy thế, Mỹ vẫn không hề

từ bỏ mưu đồ xâm chiếm lãnh thổ Trung Quốc, mãi đến năm 1900, chúng còn rắp tâm chiếm đoạt vùng Tam Sa Loan ở phía bắc Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến, nhưng vì Phúc Kiến là phạm vi thế lực của Nhật, bị Nhật kiên quyết phản đối, nên chưa thực hiện được.

Các nước đế quốc hí hửng rêu rao rằng Trung Quốc đang trong “cơn hấp hối”, chúng đã sẵn sàng chia cắt toàn Trung Quốc và biến Trung Quốc thành thuộc địa của chúng bất kỳ lúc nào. Tai họa bị chia cắt toàn bộ đã hiện rõ trước mắt. Vấn đề đặt ra trước các giai cấp trong xã hội Trung Quốc là mặc cho các nước từng xéo hay nổi dậy chống lại? Các giai cấp đều phải chọn lấy một con đường.

Bọn thống trị triều Thanh trước sau vẫn thi hành đường lối ngoại giao đầu hàng, thả tay bán rẻ chủ quyền đất nước để hòng được bọn đế quốc giúp chúng bám giữ mãi địa vị thống trị, còn đối với quần chúng nhân dân thì chúng vẫn đàn áp đẫm máu. Mặc dù giữa chúng với bọn đế quốc này hay bọn đế quốc nọ cũng có những mâu thuẫn về quyền thống trị như những mâu thuẫn giữa tớ với thầy, song nếu trông mong ở một chính phủ như vậy có thể đứng ra đấu tranh chống đế quốc thì hoàn toàn là ảo tưởng.

Phái cải lương tư sản vừa mới thoát thai từ giai cấp địa chủ ra, tuy cũng bất mãn trước sự xâm lược của bọn đế quốc, cũng xúc động và lo sợ trước mối nguy cơ của dân tộc, nhưng họ hoàn toàn lạc lõng trước quần chúng nhân dân, không dám đứng lên làm cách mạng, cam tâm khuất phục trước sức ép của bọn đế quốc, nuôi ảo tưởng cứu vãn nguy cơ dân tộc bằng phương pháp cải lương với sự ủng hộ của một số đế quốc nào đó. Thực